

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/DS-ST

Ngày 20 tháng 8 năm 2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hương;
- Bà Phạm Thị Hương.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Công Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXX-DS ngày 05/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 12B/2024/QĐST-DS ngày 28/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-DS ngày 26/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: + Ông Ngô Đình C, sinh năm 1965
+ Bà Chu Thị T, sinh năm 1970

Cùng cư trú: Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: + Ông Đỗ Đăng P, sinh năm 1973
+ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975

Cùng cư trú: Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Ông C, bà T có mặt; Vắng mặt ông P, Bà Đ)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa:

Ngày 08/12/2012 âm lịch (tức là ngày 19/01/2013) tại nhà ông P, bà Đ ở thôn L, xã A thì vợ chồng ông C, bà T có cho vợ chồng ông P, bà Đ vay số tiền 290.000.000 đồng và 01 cây vàng 9999. Thời hạn vay kể từ ngày mùng 19/01/2013 (dương lịch), khi nào lấy gốc báo trước 15 ngày, Lãi suất 2%/tháng. Nhưng thực tế ông C, bà T và ông P, bà Đ thỏa thuận lấy theo lãi suất ngân hàng 1,6%/tháng. Hàng tháng ông P, bà Đ trả tiền lãi cho vợ chồng ông C với tổng số tiền là 5.000.000 đồng, trong đó tiền lãi của 290.000.000 đồng là 4.600.000 đồng/tháng, đối với 1

cây vàng 9999 vợ chồng ông C và vợ chồng ông P, bà Đ tự thỏa thuận là 400.000 đồng/tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông P, bà Đ đã trả lãi vợ chồng ông C đến tháng 9/2019 (dương lịch) mỗi tháng là 5.000.000 đồng/tháng. Từ tháng 10/2019 đến nay vợ chồng ông P, bà Đ không trả vợ chồng ông C khoản tiền lãi nào, đối với 1 cây vàng 9999 vợ chồng ông C, bà T không yêu cầu ông P, bà Đ phải trả lãi từ tháng 10/2019 cho đến nay. Vào ngày 29/12/2021 âm lịch (tức là ngày 31/01/2022 dương lịch) ông P, bà Đ đã trả vợ chồng ông C số tiền 10.000.000 đồng tiền gốc.

Nay ông C, bà T1 cầu vợ chồng ông P, bà Đ phải trả tổng số tiền tính đến ngày 20/8/2024 là: **548.800.000 đồng**, trong đó: 280.000.000 đồng tiền gốc, Lãi là 268.800.000 đồng (tháng 10/2019 đến tháng 01/2022 là 28 tháng x 290.000.000 đồng x 1,6% = 129.920.000 đồng và lãi tháng 02/2022 đến tháng 8/2024 là 31 tháng x 280.000.000 đồng x 1,6% = 138.880.000 đồng) và 01 cây vàng 9999 (trị giá khoảng 79.000.000 đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2024 ông Đỗ Đăng P trình bày: Ông P và bà Nguyễn Thị Đ là vợ chồng hiện đang sinh sống tại thôn L, xã A. Ông có quan hệ họ hàng với ông C, bà T. Vào năm 2012 vợ chồng ông có vay của ông C và bà T số tiền 290.000.000 đồng và 01 cây vàng 9999 với Lãi suất 2%/tháng. Vợ chồng ông bà đã trả lãi đến tháng 9/2019 dương lịch mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng chưa trả khoản nợ gốc nào, do vợ chồng ông bị vỡ nợ vào năm 2019.

Ngày 29/12/2021 (âm lịch) vợ chồng ông bà đã trả ông C, bà T được 10.000.000 đồng tiền gốc.

Ngày 29/12/2022 (âm lịch) vợ chồng ông tiếp tục trả 10.000.000 đồng tiền gốc nhưng ông C, bà T không nhận.

Ngày 29/12/2023 (âm lịch) vợ chồng ông tiếp tục trả 30.000.000 đồng tiền gốc nhưng ông C, bà T không nhận.

Nay ông P xác định vợ chồng ông bà còn nợ vợ chồng ông C, bà T số tiền 280.000.000 đồng và 01 cây vàng 9999 và tiền lãi phát sinh từ tháng 9/2019 cho đến nay. Nay ông cần, bà T yêu cầu vợ chồng ông bà phải trả số nợ gốc và lãi phát sinh từ tháng 9/2019 đến nay, quan điểm của ông P là nhất trí, ông P đề nghị xin khoản tiền lãi phát sinh, đối với số tiền gốc vợ chồng xin trả dần. Hiện nay bà Đ đang làm ở công ty bên tỉnh Hải Dương, thỉnh thoảng bà Đ có về gia đình và liên lạc với gia đình.

Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn L, xã A thể hiện: Ông Đoàn Văn P1 và bà Nguyễn Thị Đ là vợ chồng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã A. Đối với khoản nợ của ông P1, bà Đ thì cơ sở thôn không nắm được. Hiện ông P1, bà Đ đi lao động tự do sáng đi tối mới về nhà.

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn chưa chấp hành quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466, khoản

1 Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc vợ chồng ông Đỗ Đăng P, bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả nợ cho ông Ngô Đình C, bà Chu Thị T số tiền là **548.800.000 đồng**, trong đó: 280.000.000 đồng tiền gốc, Lãi là 268.800.000 đồng (tháng 10/2019 dương lịch đến tháng 01/2022 dương lịch là 28 tháng x 290.000.000 đồng x 1,6% = 129.920.000 đồng và lãi tháng 02/2022 dương lịch đến tháng 8/2024 dương lịch là 31 tháng x 280.000.000 đồng x 1,6% = 138.880.000 đồng) và 01 cây vàng 9999 (trị giá khoảng 79.000.000 đồng). Đồng thời buộc ông Đỗ Đăng P, bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại ông C, bà T tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc ông Ngô Đình C, bà Chu Thị T khởi kiện ông Đỗ Đăng P, bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền vay còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn đang cư trú tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đỗ Đăng P, bà Nguyễn Thị Đ đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đỗ Đăng P, bà Nguyễn Thị Đ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Đình C, bà Chu Thị T: Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu đã xuất trình của ông Ngô Đình C, bà Chu Thị T, biên bản lấy lời khai của ông Đỗ Đăng P cùng với các tài liệu chứng cứ là giấy vay tiền ngày 19/01/2013 dương lịch (bản gốc) do ông C nộp có đủ cơ sở xác định: Giữa vợ chồng ông Ngô Đình C, bà Chu Thị T với vợ chồng ông Đỗ Đăng P, bà Nguyễn Thị Đ có quan hệ họ hàng quen biết. Quá trình giải quyết vụ án ông C, bà T, ông P đều xác định: Vợ chồng ông P, bà Đ đã trả lãi vợ chồng ông C, bà T đến tháng 9/2019 dương lịch mỗi tháng là 5.000.000 đồng/tháng. Từ tháng 10/2019 đến nay vợ chồng ông P, bà Đ không trả vợ chồng ông C, bà T khoản tiền lãi nào, đối với 1 cây vàng 9999 vợ chồng ông C, bà T không yêu cầu ông P, bà Đ phải trả lãi từ tháng 10/2019 dương lịch cho đến nay. Vào ngày 29/12/2021 âm lịch (tức ngày 31/01/2022 dương lịch) ông P, bà Đ đã trả vợ chồng ông C, bà T số tiền 10.000.000 đồng tiền gốc. Hiện ông C, bà T còn nợ số tiền 280.000.000 đồng và 01 cây vàng 9999 và tiền lãi phát sinh từ tháng 9/2019 dương lịch cho đến nay. Căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định: Tính đến ngày xét xử 20/8/2024, vợ chồng ông Đỗ Đăng P, bà Nguyễn Thị Đ còn nợ ông Ngô Đình C, bà Chu Thị T số tiền là **548.800.000 đồng**, trong đó: 280.000.000 đồng tiền gốc, Lãi là 268.800.000 đồng (tháng 10/2019 dương lịch đến tháng 01/2022 dương lịch là 28 tháng x 290.000.000 đồng x 1,6% = 129.920.000 đồng và lãi tháng 02/2022 đến tháng 8/2024 là 31 tháng x 280.000.000 đồng x 1,6% = 138.880.000 đồng) và 01 cây vàng 9999 (trị giá khoảng 79.000.000 đồng).

[2.2] Về yêu cầu trả nợ của ông Ngô Đình C, bà Chu Thị T: Ông Ngô Đình C, bà Chu Thị T yêu cầu vợ chồng ông Đỗ Đăng P, bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả 1 lần số tiền 548.800.000 đồng và 01 cây vàng 9999. Ông Đỗ Đăng P đồng ý trả nhưng ông P đề nghị xin khoản tiền lãi phát sinh, đối với số tiền gốc vợ chồng xin trả dần. Việc yêu cầu trả dần của ông P không được ông C, bà T chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử buộc ông Đỗ Đăng P, bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Đình C, bà Chu Thị T số tiền là **548.800.000 đồng**, trong đó: 280.000.000 đồng tiền gốc, Lãi là 268.800.000 đồng (tháng 10/2019 dương lịch đến tháng 01/2022 dương lịch là 28 tháng x 290.000.000 đồng x 1,6% = 129.920.000 đồng và lãi tháng 02/2022 dương lịch đến tháng 8/2024 là 31 tháng x 280.000.000 đồng x 1,6% = 138.880.000 đồng) và 01 cây vàng 9999 (trị giá khoảng 79.000.000 đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Đình C, bà Chu Thị T được Tòa án chấp nhận nên Đỗ Đăng P, bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. H lại ông C, bà T số tiền tạm ứng án phí mà ông C đã nộp. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Đình C, bà Chu Thị T.
2. Buộc ông Đỗ Đăng P, bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Ngô Đình C, bà Chu Thị T số tiền là **548.800.000 đồng** (*Năm trăm bốn mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng*), trong đó: 280.000.000 đồng tiền gốc, L là 268.800.000 đồng và 01 cây vàng 9999 (trị giá khoảng 79.000.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử 20/8/2024 cho đến khi thi hành bản án xong tất cả các khoản tiền, bà Nguyễn Thị Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: ông Đỗ Đăng P, bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 29.112.000 đồng (*Hai mươi chín triệu một trăm mười hai nghìn đồng*). Hoàn trả 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí cho ông Ngô Đình C, bà Chu Thị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004549 ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Ngô Đình C, bà Chu Thị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đỗ Đăng P, bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Quốc Doanh